BẢN SAO

中華民國外交部部長茲請各國有關機關對持用本護照之中華民國國民允予自由通行，并請必要時儘量予以協助及保護。

The Minister of Foreign Affairs of the Republic of China requests all whom it may concern to permit the national of the Republic of China named herein to pass freely and in case of need to give all possible aid and protection.

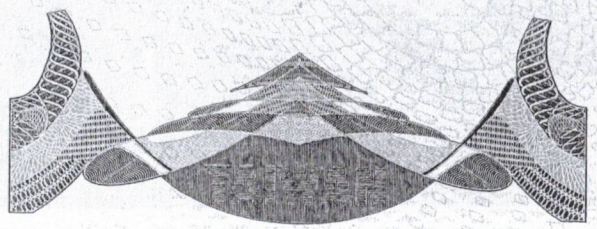

350846258

持照人簽名 (SIGNATURE OF BEARER)

護　照 中華民國 REPUBLIC OF CHINA
PASSPORT

型式 / Type
P

代碼 / Code
TWN

護照號碼 / Passport No.
350846258

姓名 / Name (Surname, Given names)
羅淑萍
LO, SHU-PING

外文別名 / Also known as
GRACE LO

國籍 / Nationality
REPUBLIC OF CHINA

身分證統一編號 / Personal Id. No.
J221208123

性別 / Sex
F

出生日期 / Date of birth
02 FEB 1970

發照日期 / Date of issue
03 JUL 2018

出生地 / Place of birth
TAIWAN

效期截止日期 / Date of expiry
03 JUL 2028

發照機關 / Authority
MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS

P<TWNLO<<SHU<PING<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
3508462587TWN7002025F2807030J221208123<<<<68

注 意 事 項

一、護照為重要之國籍身分證件，應由本人或法定代理人妥善保管，並將護照個人資料頁另行影存備用。

二、依國際慣例，護照使用至少須有六個月以上效期並取得所需簽證。

三、護照持照人簽名欄應由本人親簽，其無法簽名者，得按指印或由法定代理人代簽持照人姓名，但不得由他人代簽亦不得塗改。

四、護照為公文書，外交部及駐外館處得依法扣留或註銷；非權責機關，不得擅自增刪塗改或加蓋圖戳。

五、護照遺失，在國內請儘速向警察機關報案；在國外請向當地警察機關報案並與駐外館處聯繫。

六、偽造、變造、買賣護照，以護照充抵債務、債權，謊報護照遺失，以及冒用或非法扣留他人護照者，將負相關刑責。

七、在臺灣地區無戶籍國民，入國前請先向駐外館處申請許可。

八、尚未完成兵役義務者出國請先經權責機關核准。

九、出國前請至外交部領事事務局網站(http://www.boca.gov.tw)查詢旅外安全相關資訊並完成「出國登錄」；在國外遭逢急難，請立即撥打當地或鄰近的駐外館處緊急聯絡電話，倘未能與我外館取得聯繫，請直接或由國內親友與「外交部緊急聯絡中心」聯繫，國內免付費：0800-085-095（國外須付費：+886-800-085-095）以獲得必要協助。

中華民國外交部

出國前小叮嚀

一、檢查護照效期（依國際慣例，至少六個月以上），並確認已辦妥簽證。若前往免簽證或落地簽證國家(地區)，務請備妥相關證明文件，如回程機票、訂房紀錄及財力證明等。

二、建議備妥適當旅遊平安保險（含國外住院及緊急醫療後送之海外醫療險）。

三、請至外交部領事事務局官網下載「旅外救助指南」APP 或加入領務局 LINE 官方帳號（ID:@BOCA.TW），隨時掌握旅外安全資訊，並快速查詢我駐外館處聯絡資料，以利取得必要協助。

四、切勿接受陌生人委託提領行李或攜帶物品。

五、在國外旅行期間請注意遵守當地法律，切勿從事不法或與簽證目的不符之行為及活動，並隨時注意簽證效期，避免逾期停留。

外交部祝您旅途愉快

加 簽

AMENDMENTS AND ENDORSEMENTS

加 簽

AMENDMENTS AND ENDORSEMENTS

加 簽

AMENDMENTS AND ENDORSEMENTS

簽 證 / VISAS

中華民國 ROC (TAIWAN)
JUL 06. 2018
出境 DEPARTED

VIET NAM - IMMIGRATION
720A
0 6 JUL 2018
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
736A
0 3 OCT

Được phép tạm trú đến
Permitted to remain until

HẾT GIÁ TRỊ
USED

VIET NAM - IMMIGRATION
955A
0 2 FEB 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
895A
1 0 OCT 2018
TAN SON NHAT

簽 證 / VISAS

VIET NAM - IMMIGRATION
839A
17 FEB 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
933A
22 APR 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
776A
01 MAY 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
712A
28 JUN 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
959A
07 JUL 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
956A
18 OCT 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
701A
26 MAR 2025
TAN SON NHAT

簽 證 / VISAS

VIET NAM - IMMIGRATION
999A
26 OCT 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
682A
07 NOV 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
910A
10 NOV 2019
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
922A
21 JAN 2020
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
913A
08 FEB 2020
TAN SON NHAT

VIET NAM - IMMIGRATION
632A
10 JUN 2023
TAN SON NHAT

簽 證／VISAS

中華民國 ROC (TAIWAN)
FEB 08. 2020
出境 DEPARTED

中華民國 R.O.C. (TAIWAN)
DEC 15. 2023
入境 ADMITTED

中華民國 R.O.C. (TAIWAN)
JUL 08. 2022
入境 ADMITTED

VIET NAM - IMMIGRATION
701A
3 0 OCT 2024

中華民國 R.O.C. (TAIWAN)
OCT 07. 2023
入境 ADMITTED

VIET NAM - IMMIGRATION
919A
1 4 MAR 2025
TÂN SƠN NHẤT

簽 證／VISAS

VIET NAM - IMMIGRATION
802A
1 4 JUL 2023
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
903A
1 6 AUG 2023

VIET NAM - IMMIGRATION
827A
3 0 AUG 2023
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
730A
0 9 OCT 2023

VIET NAM - IMMIGRATION
921A
1 7 OCT 2023

VIET NAM - IMMIGRATION
833A
1 5 DEC 2023

VIET NAM - IMMIGRATION
729A
2 1 DEC 2023

VIET NAM - IMMIGRATION
752A
0 7 FEB 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THỊ THỰC
VISA

SỐ Nº AI 1709033

KÝ HIỆU *Category* DL

CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY *Valid from* 29/12/2022 ĐẾN NGÀY *until* 28/01/2023

CẤP TẠI *Issued at* Tân Sơn Nhất

SỬ DỤNG MỘT/ NHIỀU LẦN *Good for single / multiple entries* 01 lần *Single entry*

NGÀY *On* 29/12/2022

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

P. TRƯỞNG CACK

Đoàn Văn Đắc

CẤP CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU SỐ *Issued to the holder of passport Nº* 350846258

THỜI HẠN TẠM TRÚ THEO PHÉP CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH.
Length of stay is subject to permission by Immigration Authority.

GHI CHÚ *Annotation* LỆ PHÍ 25 (HAI LĂM) USD
FEE PAID

HẾT GIÁ TRỊ
USED

V<TWNLO<<SHU<PING<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
3508462587TWN7002025F2301284AI1709033<<<<<<<<

簽 證 / VISAS

Gia hạn tạm trú đến / Stay permit is extended up to: 11/12/2022

Tp.Hồ Chí Minh, 30/7/2021

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department

VIET NAM - IMMIGRATION 853A 05 FEB 2023

VIET NAM - IMMIGRATION 754A 08 JUL 2022

Được phép tạm trú đến / Permitted to remain until 05/3/23

VIET NAM - IMMIGRATION 867A 20 FEB 2024

VIET NAM - IMMIGRATION 03 MAR 2023

簽 證 / VISAS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THỊ THỰC
VISA

SỐ / *N°* AI 1440067

KÝ HIỆU / *Category* ĐT4

CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY / *Valid from* 30/07/2021 ĐẾN NGÀY / *until* 11/07/2022

SỬ DỤNG MỘT/ NHIỀU LẦN / *Good for single / multiple entries* Nhiều lần / *Multiple entries*

CẤP CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU SỐ / *Issued to the holder of passport N°* 350846258

THỜI HẠN TẠM TRÚ THEO PHÉP CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH / *Length of stay is subject to permission by Immigration Authority.*

GHI CHÚ / *Annotation*

CẤP TẠI / *Issued at* TP.HỒ CHÍ MINH

NGÀY / *On* 30/07/2021

CỤC QUẢN LÝ X.N.C
Phó Trưởng phòng

Nguyễn Phan Hòa

V<TWNLO<<SHU<PING<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
3508462587TWN7002025F2207113AI1440067<<<<<08

VIETNAM - IMMIGRATION 713A 2 9 SEP 2024 TÂN SƠN NHẤT

VIETNAM - IMMIGRATION 805A 1 1 AUG 2024 TÂN SƠN NHẤT

VIETNAM - IMMIGRATION 968A 2 6 JUN 2024 TÂN SƠN NHẤT

VIETNAM - IMMIGRATION 956A 0 5 APR 2024 TÂN SƠN NHẤT

签 證 / VISAS

VIETNAM - IMMIGRATION 697A 2 1 APR 2025 TÂN SƠN NHẤT

VIETNAM - IMMIGRATION 671A 1 8 AUG 2024 TÂN SƠN NHẤT

VIETNAM - IMMIGRATION 698A 0 7 JUL 2024 TÂN SƠN NHẤT

VIETNAM - IMMIGRATION 743A 1 4 APR 2024 TÂN SƠN NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THỊ THỰC *VISA* Số Nº AI 1746446 KÝ HIỆU *Category* DL

CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY *Valid from* 05/02/2023 ĐẾN NGÀY *until* 05/03/2023

CẤP TẠI *Issued at* *Tân Sơn Nhất*

SỬ DỤNG MỘT/ NHIỀU LẦN *Good for single / multiple entries* **01 lần** ***Single entry***

NGÀY *On* 05/02/2023

CẤP CHO NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU SỐ *Issued to the holder of passport Nº* 350846258

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
P.TRƯỞNG CACK

THỜI HẠN TẠM TRÚ THEO PHÉP CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH.
Length of stay is subject to permission by Immigration Authority.

GHI CHÚ *Annotation*

Phạm Quốc Hùng

HẾT GIÁ TRỊ USED

V<TWNLO<<SHU<PING<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
3508462587TWN7002025F2303059AI1746446<<<<<<<

簽 證 / VISAS

VIET NAM - IMMIGRATION
944A
28 JUN 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
976A
08 JUL 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
15 AUG 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
992A
08 AUG 2025
TÂN SƠN NHẤT
CANCELLED

VIET NAM - IMMIGRATION
865A
14 AUG 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
713A
10 AUG 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
553A
20 AUG 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
904A
09 OCT 2025
TÂN SƠN NHẤT

簽 證 / VISAS

VIET NAM - IMMIGRATION
671C
05 NOV 2024
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
847A
09 DEC 2024
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
943A
24 DEC 2024
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
864A
18 DEC 2024
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
977A
25 JAN 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
836A
10 FEB 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
871A
30 MAR 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
862A
21 MAR 2025
TÂN SƠN NHẤT

簽 證 / VISAS

VIET NAM - IMMIGRATION
698A
13 DEC 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
838A
29 OCT 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
953A
22 DEC 2025
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
703A
04 MAR 2026

VIET NAM - IMMIGRATION
948A
09 APR 2026
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
569A
10 MAY 2026
CAM RANH

VIET NAM - IMMIGRATION
886A
19 APR 2026
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
770A
21 MAY 2026
TÂN SƠN NHẤT

簽 證 / VISAS

VIET NAM - IMMIGRATION
710A
30 JUN 2026
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
717A
10 AUG 2026
TÂN SƠN NHẤT

VIET NAM - IMMIGRATION
Được phép tạm trú đến
Permitted to remain until 27 AUG 2026
87A
TÂN SƠN NHẤT

27/9/26 eV

簽 證 / VISAS

VIET NAM IMMIGRATION

D

12 JUN 2026

簽 證 / VISAS

27

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 35858 quyển số: 08 SCT/BS

Ngày: 20-08-2026

CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.Đ: 79201902073-C.T.H.D

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG THỊ THU PHƯƠNG

P. AN PHÚ - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Phúc Hậu

25084283

C<<

C.T.H.D ★ HKG

REPUBLIC OF KOREA
KOREA IMMIGRATION SERVICE
[ENTRY CONFIRMATION]

NAME / 성명
LO SHU PING

PASSPORT NO. / 여권번호
350846258

DATE OF ENTRY / 입국일
2026 MAY 10

STATUS / 체류자격
B - 2

UNTIL / 체류만료일
2026 AUG 08

GIMHAE AIRPORT

Ministry of Justice

S.Đ.K.H.Đ:79
P. A

9020173 C.T.H.D
PHÒNG
G CHỨNG
ĐÀNG THỊ
U PHƯƠNG
HỦ - T.P HỒ CHÍ MINH

持照人填寫欄(INFORMATION OF BEARER)

國內住址及電話(DOMESTIC ADDRESS AND PHONE NUMBER)

國外住址及電話(FOREIGN ADDRESS AND PHONE NUMBER)

緊急事故通知人

(IN CASE OF EMERGENCY, NOTIFY THE INDIVIDUAL NAMED BELOW)

姓名(NAME)

地址及電話(ADDRESS AND PHONE NUMBER)

中華民國一〇七年印製

護照使用及保管注意事項

本護照內植高感度電子晶片，使用上請視同攜帶式電子產品，並妥善保管。為維持護照最佳效能，請勿折壓、扭曲或在內頁穿孔、裝訂；並勿將護照曝曬於陽光下，或置於高溫、潮濕及電磁環境，或沾染化學藥品。

CAUTION

This passport contains a sensitive electronic chip, and should be treated with great care in the same way as a portable electronic device. For best performance, please do not bend, twist, perforate or staple the passport. Neither expose it to direct sunlight, extreme temperature or humidity. Avoid electro-magnetic fields or chemical substance.

DO NOT STAMP THIS PAGE